

Tập 122

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm sáu mươi bốn.

(Sao) Y báo giả, thân tạ độ cư, cố danh sở y. Tùy sở tác nghiệp, y hữu thắng liệt, cố danh vi báo. Ngôn tòng thị Sa Bà giả, Sa Bà, Cực Lạc tại Hoa Tạng trung, nhị độ tương vọng.

(鈔) 依報者，身藉土居，故名所依；隨所作業，依有勝劣，故名為報。言從是娑婆者，娑婆極樂，在華藏中，二土相望。

(Sao: Y báo là thân nương vào cõi nước để ở, nên gọi là “sở y” (chỗ để nương vào). Tùy theo nghiệp đã tạo, mà sở y thù thắng hay hèn kém, vì thế gọi là Báo. Nói “từ cõi Sa Bà này” là vì hai cõi Sa Bà và Cực Lạc đối diện nhau trong thế giới Hoa Tạng).

Chúng ta xem tiếp từ chỗ này.

(Sao) Kim vân “quá” giả, tòng thử Tây hướng hoành cẳng nhi quá dã, Nhất đại thiên giả, tam thiên đại thiên thế giới dã, chí hạ lục phương trung biện.

(鈔) 今云過者，從此西向橫互而過也。一大千者，三千大千世界也，至下六方中辨。

(Sao: Nay nói là “vượt qua”, tức là từ phương Tây cõi này hướng theo chiều ngang mà đi. Một đại thiên là một tam thiên đại thiên thế giới, đến phần Sáu Phương [Phật Tán Thán] trong phần sau sẽ biện định).

Trong đoạn này đã nói đến vài chuyện, chúng ta nói từng chuyện một. Kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng có hai mươi tầng, thế giới Cực Lạc và thế giới Sa Bà chúng ta cùng ở trong tầng thứ mười ba của thế giới Hoa Tạng. Dùng viễn vọng kính tân tiến nhất của thiên văn trong hiện thời, chúng ta vẫn chưa thể quan sát trọn hết tầng thứ mười ba, hướng là bảy tầng phía trên và mười hai tầng phía dưới. Chúng ta đang ở tầng thứ mười ba, có thể thấy thế giới vô cùng to lớn. Trong kinh, đức Phật dạy: Tuyệt đối chẳng phải là cả vũ trụ là một thế giới Hoa Tạng,

chẳng phải vậy! Kinh Hoa Nghiêm nói trong hư không có vô lượng vô biên thế giới giống như thế giới Hoa Tạng, ta liền hiểu thế giới to lớn, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Những điều này quả thật còn phải chờ khoa học chứng thực, hiện thời, đích xác là đã chứng thực đôi chút.

“*Quá*” (過) là vượt qua, từ phương Tây của thế giới Sa Bà, chẳng phải là phương Tây của địa cầu. Chúng ta tu Tịnh Độ, vì sao hướng mặt về phương Tây là chỗ mặt trời lặn, đó chính là phương Tây của địa cầu, vì sao? Nói thật ra, đây là buộc tâm chuyên hướng đến một phương hướng, mang ý nghĩa ấy! Phương Tây của địa cầu chắc chắn chẳng phải là phía Tây của hệ Ngân Hà, chỉ cốt giữ lấy ý niệm ấy. Trên thực tế, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với phương hướng chúng ta có thể chẳng cần lo ngại, vì sao? Chắc chắn là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, mang quý vị đi. Rớt cuộc phương hướng ở nơi đâu, quý vị chẳng cần phải tìm kiếm! Nếu chúng ta đi tìm, chắc chắn sẽ không tìm được, vũ trụ to như thế, đến đâu để tìm? Tìm chẳng ra! Nhất định là Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta, dẫn dắt chúng ta ra đi.

Nếu các Ngài chẳng đến tiếp dẫn, sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì vậy, khi lâm chung, thụy tướng vãng sanh nhất định là thấy Tam Thánh đến tiếp dẫn. Lúc vãng sanh đâu có các thụy tướng khác, nếu chẳng có Phật đến tiếp dẫn, đều chẳng đáng tin. Quý vị nói “*biết trước lúc mất*” thì người có phước báo trong thế gian cũng có thể biết trước lúc mất. Biết trước lúc mất là người có phước báo rất lớn, đời sau kẻ ấy sẽ sanh vào đâu? Không nhất định, có kẻ sanh lên trời, có kẻ sanh trong loài người, có kẻ thành quỷ vương trong quỷ đạo. Phước báo rất lớn đều biết trước lúc mất. Nói thật ra, biết trước lúc mất chẳng nhất thiết là vãng sanh. Vãng sanh nhất định phải thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn thì mới là đúng. Quý vị nói sau khi người ấy đã chết, chân tay rất mềm mại, đó cũng là hảo tướng. Nói ngắn gọn, từ những hảo tướng ấy đại đa số chúng ta có thể chứng thực người ấy chắc là chẳng đọa tam ác đạo, đời sau sanh trong hai đường nhân thiên. Dầu sanh trong ác đạo cũng chẳng sao, người ấy phước báo to lớn, người thế gian chúng ta nói “người ấy đi làm thần”, tôi thiếu là hạng như Thổ Địa Công, Thành Hoàng Gia, là đại phước đức quý trong quỷ đạo, được gọi là Đa Tài Quỷ, người ấy cũng có rất nhiều thụy tướng. Vì thế, những thứ ấy chẳng đủ để chứng thực. Dầu có lưu lại xá-lợi, lưu lại nhục thân [không hư hoại], vẫn chưa thể chứng thực. Thụy tướng vãng sanh quyết định là Tam Thánh đến tiếp dẫn, chúng ta phải nhớ điều này!

Tôi nhớ lúc mới học Phật chưa được bao lâu, quen biết lão cư sĩ Châu Kính Trụ. Vị lão cư sĩ này đã vãng sanh bốn năm rồi, thọ chín mươi sáu tuổi. Cụ cùng một tuổi với thầy Lý, vãng sanh trước thầy Lý một năm. Tôi học Phật hết sức có duyên với cụ, cụ là đại biểu Quốc Hội. Thoạt đầu, mới vừa đến Đài Loan, cụ bèn sáng lập Đài Loan Ấn Kinh Xứ, người in kinh Phật sớm nhất tại Đài Loan là cụ. Cụ đi khắp nơi hóa duyên in kinh Phật. Khi đó, số lượng in cũng ít, bản in cũng khá kém, nhưng đã là hết sức khó có! Do tôi có cơ hội quen biết cụ như vậy, nên cụ thường tặng kinh sách cho tôi đọc. Chỉ cần cụ in xong một cuốn sách, nhất định sẽ gửi ngay cuốn đầu tiên cho tôi. Cụ là con rể cụ Chương Thái Viêm. Cụ Chương Thái Viêm là Quốc Học đại sư đầu thời Dân Quốc, là một người rất lỗi lạc. Cụ Chương Thái Viêm từng làm phán quan của Đông Nhạc Đại Đế. Thuở ấy, cụ Châu trọn chẳng tin Phật, nghe bố vợ nói những chuyện ấy, cụ bán tín bán nghi, coi như chuyện thần thoại.

Thuở trẻ, cụ Châu từng thấy nhiều chuyện kỳ quái, cụ thường kể cho tôi nghe những chuyện cũ. Cụ nói có một lần, tôi ghi nhớ rất sâu, cụ sanh vào những năm cuối nhà Thanh. Trước cách mạng Tân Hợi, nhằm thời đại Tuyên Thống Hoàng Đế¹, đại khái là năm Tuyên Thống thứ ba (1911), cách cuộc khởi nghĩa Vũ Xương nhằm ngày mùng Mười tháng Mười năm Tân Hợi (1911) độ nửa năm, nhằm đúng năm Tuyên Thống thứ ba. Quê cụ có một vị Cử Nhân, cụ sống ở nông thôn, cụ là người Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang. Tại quê nhà, có một vị Cử Nhân là con một, sau khi thi đỗ, hoàn cảnh gia đình cũng đủ sống, thuộc loại nhà có của ăn của để đôi chút, nên người ấy chẳng ra làm quan, sống với cha mẹ, vô cùng hiếu thuận.

Có một hôm, vào giữa trưa, trong khi nghỉ trưa, người ấy nằm mộng. Cảnh giới trong giấc mộng ấy hết sức rõ ràng, nói thẳng là chẳng giống như trong cảnh mộng, mà giống như cảnh giới trong hiện thực. Ông ta mộng thấy có người đưa thiệp mời, cười một thót ngựa, gõ cửa. Ông ta đang ngủ trưa, chỉ cảm thấy có người gõ cửa, bèn tỉnh dậy ra mở cửa. Thật ra, ông ta vẫn còn trong giấc mộng, nhưng nghĩ mình đã tỉnh giấc, chồm dậy mở cửa. Mở cửa bèn thấy người ấy ăn mặc rất kỳ quái,

¹ Tuyên Thống (Gehungge Yoso) là niên hiệu của Phổ Nghi, hoàng đế cuối cùng của nhà Thanh. Nhà vua chỉ tại vị ba năm ngắn ngủi (từ năm 1908 đến năm 1912), rồi bị lật đổ bởi cách mạng Tân Hợi. Về sau, Phổ Nghi được Nhật đưa lên làm vua bù nhìn Mãn Châu Quốc sử dụng hai niên hiệu khác là Đại Đồng (1932-1934) và Khang Đức (1934-1945).

không giống cách ăn mặc của người thời ấy, mà ăn vận giống như cô nhân, cỡi ngựa, đưa thiệp mời cho ông ta. Trên thiệp mời đúng là tên ông ta. Người ấy bèn hỏi: “Ồ đây, có người này hay không?” Ông ta đáp: “Chính là tôi!” Kết quả là người ấy bèn bảo ông ta: “Đại tướng quân của chúng tôi mời ông”. Ông ta nghe nói, cảm thấy lạ lùng, nói: “Tuy tôi đỗ Cử Nhân, trước nay chẳng qua lại với giới quan trường, rất ít người quen biết, ông có làm hay không? Có lẽ là trùng tên, trùng họ!” Kẻ đó nói: “Địa chỉ lẫn tên họ không sai, ông đi với tôi là được rồi”. Lôi phất ông ta lên ngựa, ông ta cũng chẳng thể tự chủ, phải đi theo kẻ đó!

Kết quả là ông ta nhận thấy thốt ngựa ấy chẳng chạy trên mặt đất mà giống như bay trong không trung. Chừng độ nửa giờ đã tới nơi. Thấy một cung điện rất lớn, rất nhiều người đang chụm đầu kê tai bàn luận, dường như đã nảy sanh một biến cố trọng đại nào đó, nên họ đang thảo luận tại đó. Ông ta liền hỏi dò người khác, rốt cuộc đại tướng quân tên họ là gì? Kết quả người ta cho biết đại tướng quân là Nhạc Phi. Ông ta vừa nghe, liền nói: “Hồng bét! Chẳng lẽ là ta đã chết rồi ư?” Nhạc Phi là người đời Tống. Lúc ấy, ông ta mới tỉnh ngộ, bảo: “Không được! Nhà ta trên có mẹ già, vợ còn trẻ quá, con còn bé quá, ta chẳng thể chết được”.

Một lát sau, giống trống, đại tướng quân thẳng đường, liền triệu kiến ông ta. Nhạc Phi đối với ông rất khách sáo, rất lễ độ, cho ông ta biết: Họ chuẩn bị chinh phạt miền Bắc, mời ông ta trông coi văn thư, giống như là mời ông ta làm Bí Thư vậy, giao cho ông ta một chức vụ như thế. Ông ta nghe xong cũng cảm thấy rất áy náy, nhưng cũng cảm thấy rất vinh dự, có thể thay Nhạc Phi lo việc mà! Ông ta nói: “Trong nhà còn có mẹ già, vợ, con, chẳng có cách nào, hiện thời nhất định chẳng thể đi”. Nhạc Phi liền nói: “Hiện thời cách thời gian xuất binh hãy còn bốn tháng, ta lập tức đưa ông trở về. Ông về nhà lo liệu hậu sự, đến hạn kỳ ước định vào bốn tháng sau, ta sẽ sai người đến đón ông”. Ông ta nghĩ thầm: “Chuyện này rất khó có! Có thể theo chân vị anh hùng dân tộc cũng rất vinh dự”. Vì thế, ông ta đồng ý, bèn được đưa về. Sau khi trở về, tỉnh giấc, kể lại chuyện ấy với cha mẹ. Cha mẹ ông ta nói: “Chuyện chiêm bao! Suy nghĩ lung tung, há có thật!” Ông ta cảm thấy chẳng giả, vì ông ta thấy cảnh giới quá chân thật, ghi nhớ quá rõ ràng. Do vậy, liền nghiêm túc lo liệu hậu sự.

Tới ngày ước định, ông ta phải ra đi, bèn báo tin cho thân thích, bằng hữu, mời khách đến nhà, giã biệt mọi người để ra đi. Ông ta sống ở đó, cách thôn trang của cư sĩ Châu Kính Trụ chỉ có mười mấy dặm đường. Họ nghe chuyện này, một người đang sống sờ sờ, tuổi trẻ măng

lại chẳng có bệnh tật gì. Vì thế, mọi người đều đến xem náo nhiệt, xem rớt cuộc ông ta chết kiểu nào? Châu lão cư sĩ cũng đến xem tình hình ấy. Trong nhà ông ta cũng bày tiệc rượu mời thân thích, bằng hữu. Com nước xong xuôi, ông ta thấy thời thân sắp đến, bèn tắm rửa, thay y phục, ở trong phòng. Đương nhiên, bạn bè chí thân cũng đều ở trong phòng trò chuyện với ông ta. Rốt cuộc chuyện này là thật hay giả? Há lẽ nào đáng tin? Có thể chẳng phải là sự thật! Chẳng mấy chốc, ông ta thưa với cha: “Người đến đón con đã tới rồi, đang ở ngoài cửa, con trông thấy người ấy”. Bố ông ta nổi cáu: “Tao chỉ có một thằng con này, chắc chắn chẳng để cho nó ra đi!” Người con khuyên bố: “Chớ nên chống đối! Chẳng chống lại được. Đó gọi là rượu mời chẳng uống, lại uống rượu phạt. Vẫn là cái được chẳng bù nổi cái mất”. Ông ta vừa khuyên giải, người cha cũng cảm thấy người dẫu sống một trăm tuổi cuối cùng cũng phải chết. Sau khi chết, nếu biết rõ ràng, rành mạch sẽ đi về đâu thì cũng là chuyện rất khó có! Bố ông ta chẳng còn có cách nào khác, liền thốt một tiếng: “Được!” Ông ta liền tắt thở, chết ngay!

Đích thân lão cư sĩ Châu Kính Trụ thấy chuyện này, đó là gì? Đến quý đạo. Như vậy là cho đến hiện thời Nhạc Phi vẫn còn ở trong quý đạo, làm quý vương! Vì sao Ngài chẳng thể sanh thiên? Đại khái là do cái tâm báo cừu rửa nhục quá nặng, nên chẳng thể sanh thiên. Cụ kể cho tôi nghe chuyện này, bảo: “Thế gian động loạn, quý thân loạn trước”. Người Kim là tổ tiên người Mãn Thanh². Lúc cách mạng Tân Hợi lật đổ Mãn Thanh, trước đó nửa năm, quý thân đã lật đổ quý Mãn Thanh. Sau đấy, chúng ta mới có thể lật đổ họ. Cụ giảng rõ một đạo lý: “Thế gian này động loạn, quý thân loạn trước!” Nếu quý thân chẳng loạn, thế gian này

² Nhà Thanh do người Mãn Châu sáng lập nên gọi là nhà Mãn Thanh. Mãn Châu là tên gọi khác của dân tộc Nữ Chân (Jusen, còn viết là Jurchen), tuy có thuyết cho Mãn Châu và Nữ Chân là hai sắc tộc khác nhau. Đây là một dân tộc đã được sử sách nhắc đến khá sớm, đời Hán - Tấn gọi là Ấp Lâu, thời Nam Bắc Triều gọi là Vật Cát, đời Tùy - Đường gọi là Hắc Thủy Mạt Hạt. Danh xưng Nữ Chân (hoặc Nữ Trục) được sử dụng từ thời Liêu - Kim trở đi. Nhà Thanh thuộc bộ tộc Kiến Châu Nữ Chân. Vào thế kỷ 12, Hoàn Nhan A Cốt Đả (Wanyan Aguda) làm thủ lĩnh tộc Nữ Chân, sáng lập ra nhà Kim. Danh xưng Kim vốn là dịch nghĩa tên sông Anchuhu tại quê hương của họ. Dòng họ Aisinjoro (Ái Tân Giác La) của hoàng đế nhà Thanh cũng xuất phát từ chữ Anchuhu. Nhà Kim bị Mông Cổ diệt quốc vào năm 1234 dưới đời Kim Mạt Đế (Hoàn Nhan Thừa Lân). Đến thế kỷ 16, Nỗ Nhĩ Cáp Xích (Nurhaci) thống nhất các bộ tộc Nữ Chân, thành lập hệ thống quân đội Bát Kỳ, và lập ra nhà Hậu Kim. Danh xưng Hậu Kim được đổi thành Thanh dưới thời hoàng đế Hoàng Thái Cực.

sẽ thái bình, nhất định là quỷ thần loạn trước. Theo cụ, những chuyện quái lạ như vậy rất nhiều, muốn kể, cũng kể chẳng hết, hết sức thú vị, đều là sự thật.

Bản thân cụ tin Phật, cụ học Tài Chánh, trong thời Kháng Chiến làm cục trưởng thuế vụ hai tỉnh Tứ Xuyên và Tây Khang. Sau khi thắng lợi, cụ làm tài chánh sảnh trưởng (giám đốc sở tài chánh) tỉnh Chiết Giang; về sau, theo chánh phủ đến nơi đây (Đài Loan). Đối với những chuyện quỷ thần, tuy thấy rõ ràng như thế, cụ vẫn chẳng tin Phật. Cụ tin tưởng quỷ thần là thật, chẳng giả, chính cụ đã thấy quá nhiều. Cụ kể nhân duyên học Phật là do tự mình thấy quỷ, lúc ấy mới phát tâm học Phật. Cụ nói hồi ở Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, buổi tối cùng mấy người bạn họp nhau đánh mạt chược, chơi rất khuya. Tới tận khuya mới về nhà. Đêm khuya, trên đường cũng chẳng có ai, trên đường tuy có đèn đường, nhưng đèn đường có khoảng cách rất xa. Hơn nữa, bóng đèn có độ sáng là hai mươi watts, dường như có, dường như không. Cụ thấy trên đường ở phía trước có một phụ nữ, cũng chẳng chú ý. Phía trước có người ấy, cụ cứ đi theo sau. Đi gần độ nửa tiếng, cụ bỗng nhiên nghĩ: “Đêm khuya lơ khuya lác như thế này, có sao lại có một phụ nữ một mình ra khỏi cửa?” Cụ vừa nghĩ, bèn rợn da gà, thân tuôn mồ hôi lạnh. Nhìn kỹ, người phụ nữ đằng trước chỉ có nửa thân trên, chẳng có nửa người dưới, sợ gần chết! Chẳng mấy chốc, không thấy người ấy đâu nữa! Sau khi bị một mẻ hoảng hốt, cụ mới về nhà, xem kinh Phật, niệm Phật, học Phật. Cụ nói: “Đó có thể là Quán Âm Bồ Tát biến hiện. Nếu chẳng phải là tự mình gặp phải, ta vẫn chưa thể tiến vào Phật môn”. Cụ kể nhân duyên cụ học Phật như vậy, thật sự gặp gỡ. Nhân duyên học Phật của mỗi cá nhân khác nhau.

Vì thế, các thứ thụy tướng đều chẳng thể chứng tỏ [người đã mất] vãng sanh, ắt phải thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn. Do vậy, chúng ta niệm Phật tâm phải khẩn thiết, phải chân thành thì mới có thể có cảm ứng.

“Nhất đại thiên giả, tam thiên đại thiên thế giới” (một đại thiên là một tam thiên đại thiên thế giới). Tam thiên đại thiên thế giới, trên thực tế là nói tới một đại thiên thế giới. Một đại thiên, vì sao gọi là tam thiên? Tam thiên là nói tới kết cấu, thành phần của nó. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: *“Một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới trong kinh Phật”*. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là một tiểu thiên thế giới. Do vậy cũng biết: Một tiểu thiên thế giới do một ngàn hệ Ngân Hà hợp thành, rồi lại lấy một tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung

thiên thể giới. Lại lấy trung thiên thể giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thể giới là một đại thiên thể giới. Phật pháp nói một đại thiên thể giới thì hình thức cấu thành của nó gồm có tiểu thiên, trung thiên, đại thiên, do vậy gọi là tam thiên đại thiên thể giới. Trên thực tế, tam thiên đại thiên thể giới là một thể giới, là khu vực giáo hóa của một vị Phật, gồm mười ức hệ Ngân Hà, có phạm vi lớn ngàn ấy! Đó là khu vực giáo hóa của một vị Phật, to dường ấy! Có những kẻ chẳng nghiên cứu Phật pháp, nhìn vào văn tự đoán xằng ý nghĩa, cho rằng Phật pháp nói chỉ có ba ngàn thể giới, sai lầm rồi! “*Chỉ hạ lục phương trung biện*” nghĩa là rốt cuộc tới phần sau, trong đoạn kinh văn nói về sáu phương Phật sẽ giảng tỉ mỉ!

(Sao) Thập vạn ức giả, tùng thử quá Tây chi trình, dĩ ức kế chi, đương hữu thập vạn. Vị quá nhất Phật độ, thập Phật độ, nãi chí ức Phật độ. Hựu tùng nhất ức Phật độ, thập ức Phật độ, nãi chí thập vạn ức Phật độ, cố viết viễn chi viễn dã.

(鈔) 十萬億者，從此過西之程，以億計之，當有十萬。謂過一佛土，十佛土，乃至億佛土。又從一億佛土，十億佛土，乃至十萬億佛土，故曰遠之遠也。

(Sao: “Mười vạn ức”: Từ đây đi về phương Tây, dùng con số ức để tính, sẽ có mười vạn. Nghĩa là qua khỏi một cõi Phật, mười cõi Phật, cho đến một ức cõi Phật, lại từ một ức cõi Phật, mười ức cõi Phật, cho đến mười vạn ức cõi Phật, cho nên nói là đã xa xôi lại càng xa xôi hơn).

Tây Phương Cực Lạc thể giới tuy thuộc tầng thứ mười ba trong thể giới Hoa Tạng, diện tích của tầng ấy lớn bao nhiêu? Thực tại là chẳng thể nghĩ bàn. Từ phía Tây của thể giới Sa Bà chúng ta đang sống đây, trải qua một Phật độ là mười ức hệ Ngân Hà, mười Phật độ cho đến một ức Phật độ, mười ức Phật độ, trăm ức Phật độ, mãi cho đến mười vạn ức Phật độ, vẫn nằm trong tầng này. Quý vị nghĩ xem thể giới Hoa Tạng lớn cỡ nào? Quá ư là lớn, chẳng thể nghĩ bàn! “*Cố viết viễn chi viễn dã*” (cho nên nói đã xa lại càng xa).

(Sao) Nhiên Ức hữu tứ chủng: Thập vạn, bách vạn, thiên vạn, vạn vạn.

(鈔) 然億有四種：十萬、百萬、千萬、萬萬。

(**Sao:** Nhưng Úc có bốn loại: Mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn).

Người Ấn Độ nói Úc có quan niệm khác với Trung Quốc. Úc [trong cách nói của người Ấn Độ] có bốn loại: Mười vạn là một Úc, đó là số nhỏ, trăm vạn cũng gọi là Úc, một ngàn vạn cũng gọi là Úc, một vạn vạn cũng gọi là Úc. Theo con số tính toán của người Hoa, một vạn vạn mới là Úc.

(**Sao**) *Kim chi sở chỉ, vị khả tri dã.*

(鈔) 今之所指，未可知也。

(**Sao:** Nay kinh này nói đến loại Úc nào, cũng chưa thể biết được!)

Con số Úc nói trong kinh Phật, rốt cuộc là nói đến con số nào? Một Úc là mười vạn, hay trăm vạn, ngàn vạn, hay vạn vạn? Kinh trọn chẳng nói rõ ràng. Nói cách khác, tôi thiếu, mười vạn gọi là một Úc. Mười lần mười vạn thì khoảng cách ít nhất cũng là một trăm vạn cõi Phật, vì nó là mười ức. Nói thật ra, đối với chuyện này, chúng ta chỉ hiểu là một khoảng cách khá xa xôi, rốt cuộc xa bao nhiêu, chúng ta không cần so đo.

Nói thật ra, vãng sanh, tốc độ vô cùng nhanh chóng! Trong quá khứ nói tốc độ ánh sáng lớn nhất, những phát hiện gần đây cho thấy quả thật có những thứ vượt trời tốc độ ánh sáng, vượt gấp mấy lần! Trong kinh Phật có nói tới Trung Âm của con người, tục ngữ gọi là “linh hồn”, kinh Phật gọi là “thần thức”, tốc độ vô cùng lớn. Trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, Khổng Tử đã nói: “*Du hồn vi biến, tinh khí vi vật*”, hai câu này vô cùng phù hợp nguyên lý và nguyên tắc trong Phật pháp. Hồn chẳng linh! Nói “*du hồn*” rất chính xác, vì sao? Tốc độ của nó quá lớn, tột bậc chẳng ổn định, đi lung tung khắp nơi. Nếu nó có thể định, tức là người có công phu tu hành rất cao, mới không đến nỗi đi lung tung khắp nơi. Thần thức của người bình phàm luôn đi lung tung bên ngoài, tốc độ lại còn lớn vô cùng. Vì thế, trong một khoảnh khắc ngón tay đến ngay Tây Phương Cực Lạc thế giới; chẳng cần đến một giây đã đến nơi, tốc độ ánh sáng há có thể nào sánh bằng! Do vậy, khoảng cách đâu xa tới mấy, chỉ trong khoảnh khắc ngón tay bèn tới ngay, có năng lực to như vậy.

(**Sao**) *Đàn Kinh thập vạn bát thiên giả.*

(鈔) 壇經十萬八千者。

(Sao: Cõi nước cách xa mười vạn tám ngàn dặm trong Đàn Kinh).

Đây là một cách nói sai lầm!

(Sao) Ngoa chỉ kim Tây Vực dã, diệc tường biện hạ lục phương trung.

(鈔) 訛指今西域也，亦詳辨下六方中。

(Sao: Lâm chỉ xứ Tây Vực hiện thời, [chuyện này] cũng được biện định tường tận trong phần Sáu Phương ở phần sau).

Lục Tổ nói tới [cõi cách xa] “mười vạn tám ngàn” [dặm] trong Đàn Kinh chính là nói về Ấn Độ thuở đó. Khi ấy, [cổ nhân cảm thấy] Ấn Độ cách Trung Quốc rất xa, thuở đó, giao thông chưa phát triển. Nói “mười vạn tám ngàn dặm” để hình dung sự xa xôi, chẳng phải là nói tới Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật Tịnh Độ. Đoạn này cũng được Liên Trì đại sư giảng rõ tỉ mỉ trong đoạn Sớ Sao của phần Sáu Phương Phật.

(Sao) Ngôn vị vi viễn giả, tự hữu nhị nghĩa.

(鈔) 言未為遠者，自有二義。

(Sao: Nói “chưa phải là xa” có hai ý nghĩa).

Tuy nói Sa Bà và Cực Lạc cách xa mười vạn ức cõi Phật, nói thật ra, trọn chẳng thể tính là xa xôi. Ở đây có hai ý nghĩa.

(Sao) Nhất giả, cứ Sự.

(鈔) 一者據事。

(Sao: Một là xét theo Sự).

Nói theo mặt Sự.

(Sao) Pháp Hoa minh Đông phương thế giới chi đa, nhi dĩ mạt thổ điểm trần kế chi.

(鈔) 法華明東方世界之多，而以抹土點塵計之。

(Sao: Kinh Pháp Hoa nhằm nói rõ các thế giới ở phương Đông rất nhiều, bèn dùng các hạt bụi nhỏ do đất bị mài nát ra để tính toán).

Thật là xa. “*Thổ*” là bùn đất, đem bùn đất [trong cả một đơn vị thế giới] mài nát như bột, mài thật mịn, cứ mỗi hạt như vậy, [tức là] đối với mỗi hạt bụi như vậy, ở đây, khi tính toán bèn dùng một hạt ấy, kinh Pháp Hoa nói: Coi mỗi hạt là một sát độ (cõi nước), tức một cõi Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta chỉ có mười vạn ức cõi Phật, chúng ta vẫn có thể tính ra, kinh Pháp Hoa nói “*các thế giới phương Đông rất nhiều*”, lấy địa cầu mài thành bột, mỗi hạt bụi tính là một cõi Phật, quý vị nói xem là bao nhiêu? Nếu đem so với con số ấy, mười vạn ức quá ít! Nhìn từ tỷ lệ này, sẽ là khoảng cách rất gần, chẳng thể tính là xa!

(Sao) Tắc thập vạn ức giả, đặc chí thiểu nhĩ.

(鈔) 則十萬億者，特至少耳。

(Sao: Vậy thì mười vạn ức lại đặc biệt là ít nhất!)

Quá ư là ít, kinh Hoa Nghiêm nói:

(Sao) Hoa Nghiêm nhất thế giới chủng.

(鈔) 華嚴一世界種。

(Sao: Một thế giới chủng trong Hoa Nghiêm).

“*Nhất thế giới chủng*” là nói đến thế giới Hoa Tạng.

(Sao) Sa Bà chi ngoại, vi nhiều thập tam sát trần thế giới, kim Cực Lạc chỉ quá thập vạn ức độ, hà túc vi viễn.

(鈔) 娑婆之外，圍繞十三剎塵世界，今極樂止過十萬億土，何足為遠。

(Sao: Bên ngoài Sa Bà có mười ba sát trần³ thế giới vây quanh, nay Cực Lạc chỉ cách [Sa Bà] mười vạn ức cõi, nào đáng gọi là xa?)

³ Sát trần: Số lượng vi trần trong một sát-độ (một cõi Phật).

Nói theo phẩm Thê Giới [Thành Tựu] trong kinh Hoa Nghiêm, một thế giới chung có tất cả hai mươi tầng, thế giới Sa Bà thuộc tầng thứ mười ba, thế giới Cực Lạc cũng thuộc tầng thứ mười ba, tính ra chẳng xa! Trong vũ trụ, những thế giới chung giống như vậy nhiều vô lượng vô biên, đây mới là xa thật sự. Thứ hai, nói theo Lý.

(Sao) Nhị giả cứ Lý, tức sở vị thập vạn ức giả, đối phàm phu sanh tử tâm lượng ngôn nhĩ.

(鈔) 二者據理，則所謂十萬億者，對凡夫生死心量言耳。

(Sao: Hai là xét theo Lý, nói “mười vạn ức” là nói ứng theo tâm lượng sanh tử của phàm phu).

Vì sao? Phàm phu có phân biệt, có chấp trước, nên rõ ràng là có khoảng cách xa xôi như thế.

(Sao) Tịnh nghiệp nhược thành, lâm chung tại Định chi tâm, tức Tịnh Độ thọ sanh chi tâm dã.

(鈔) 淨業若成，臨終在定之心，即淨土受生之心也。

(Sao: Nếu Tịnh nghiệp thành tựu, cái tâm Định trong lúc lâm chung chính là cái tâm sanh vào Tịnh Độ vậy).

“Lâm chung tại Định chi tâm” là cách nói trong tông Thiên Thai, [lời áy do] Trí Giả đại sư nói. Trí Giả đại sư là tổ sư tông Thiên Thai, thành lập giáo nghĩa Tam Chỉ Tam Quán. Thuở ấy, nhiều vị cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc, thấy Ngài nói cách ấy đều vô cùng khâm phục. Đó chính là kiến địa của Ngài, do chính Ngài phát hiện. Các vị cao tăng Ấn Độ thuở ấy nghe Ngài nói như vậy đã nghĩ tới kinh Lăng Nghiêm, bảo Trí Giả đại sư: “Quan niệm, ý nghĩ, cách nói của Ngài hết sức gần gũi những điều được giảng trong hội Lăng Nghiêm”. Do vậy, người Hoa mới biết Ấn Độ còn có một bộ pháp bảo là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh. Người Ấn Độ tiếm pháp, mọi người trên thế giới đến Ấn Độ du học, cầu Phật pháp, nhưng người Ấn Độ giấu kinh Lăng Nghiêm đi, không cho người khác xem. Vì thế, người ngoại quốc chẳng biết trong các kinh nhà Phật có kinh Lăng Nghiêm. Thuở ấy, họ lỡ miệng tiết lộ có kinh Lăng Nghiêm. Quý vị nghĩ xem, trong quá khứ, cao tăng đến

Trung Quốc chẳng đem kinh này theo, vì sao? Hải quan của họ kiểm soát rất nghiêm, kinh này không được phép đem ra khỏi cửa ải, nó là vật bị cấm! Pháp sư Trung Quốc đến Ấn Độ chẳng thấy [kinh Lăng Nghiêm], họ (người Ấn Độ) đã cất giấu rồi không cho quý vị thấy. Quốc bảo của họ mà! Không chịu để dải truyền cho người khác!

Tới khi ấy mới biết, sau khi đã biết, do Trung Quốc cách Ấn Độ xa xôi như thế, đi đường bộ phải một hai năm mới có thể đến nơi, chẳng phải là chuyện dễ dàng. Qua đó, chưa chắc người ta đã cho quý vị xem. Vì thế, lão nhân gia bèn dựng một đài bái kinh tại núi Thiên Thai, mỗi ngày hướng về phía Ấn Độ lễ bái, cầu cho bộ kinh này sớm có ngày truyền đến Trung Quốc. Trí Giả đại sư lạy suốt mười tám năm, đã viên tịch, kinh vẫn chưa truyền đến Trung Quốc. Tinh thần bất phàm như vậy, lạy suốt mười tám năm. Về sau, pháp sư Bát Lạt Mật Đế lén lút đem bộ kinh ấy vào Trung Quốc, Ngài chịu khổ nạn rất lớn. Thuở đầu, lén mang vài lần đều là bị hải quan xét thấy. Khi bị xét thấy, cũng phải chịu phạt, nhưng dấu sao Sư là người xuất gia, xử tội nhẹ một chút!

Lần đem cuối cùng, chẳng biết Sư dùng thứ gì để sao chép bộ kinh ấy. Sao chép trên một tấm vật liệu rất mỏng, hình như chẳng phải là giấy, mà là da dê hay là chất gì không biết, [chỉ biết] là một thứ rất mỏng để sao. Sao xong, Ngài cuộn lại, mở cánh tay mình, giấu kinh vào đó, để cho vết thương liền lại. Làm như vậy để sang Trung Quốc, hải quan chẳng xét ra, Ngài giấu trong thịt mà! Ngài theo đường biển đến Quảng Châu. Sau khi đến Quảng Châu, mở cánh tay lấy kinh ra, chẳng biết dùng chất thuốc gì để tẩy rửa, vẫn rất tốt, kinh vẫn vẫn hiện ra rõ ràng. Vì thế, kinh được dịch tại Quảng Châu. Sau khi dịch thành công, do kinh này bị đưa ra khỏi nước, đem đến Trung Quốc, chính Ngài lại trở về tiếp nhận quốc gia xử phạt, Ngài phải chịu trách nhiệm; đem quốc bảo là vật phẩm nghiêm cấm truyền sang Trung Quốc, trở về tiếp nhận pháp luật của quốc gia xét xử. Trí Giả đại sư lạy kinh này suốt mười tám năm có cảm ứng. Do lẽ đó, kinh Lăng Nghiêm truyền đến Trung Quốc là chuyện khó khăn nhất.

Bản thân Thiên Thai Trí Giả đại sư chuyên tu Tịnh Độ, Ngài cầu sanh Tịnh Độ. Ngài chọn phương pháp tu Tịnh Độ theo Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, dùng Quán Tưởng Niệm Phật, vì Ngài có chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Tác phẩm Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Sao còn gọi là Diệu Tông Sao, lời Sớ do chính ngài Trí Giả viết, lời Sao do đồ đệ của Ngài là tôn giả Tứ Minh soạn. Mãi cho đến hiện thời, bộ Sớ Sao này vẫn là tác phẩm chú giải Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có uy

tín nhất. Ngài sử dụng Quán Tưởng Niệm Phật thành công. Khi Ngài vãng sanh, các đệ tử hỏi Ngài: “Lão nhân gia vãng sanh, rốt cuộc phẩm vị cao đến đâu?” Ngài đáp: “Nếu ta không lãnh chúng, sẽ là Thượng Phẩm vãng sanh”. Vì Ngài lãnh chúng, lãnh chúng là làm Trụ Trì tự miếu, Ngài phải quản sự, do quản sự nên phân tâm, phải suy nghĩ. Vì thế, Ngài bảo mọi người Ngài chỉ là ngũ phẩm vị vãng sanh.

Ngũ phẩm vị là gì? Là đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Địa vị ấy chẳng cao, đó là bỏ mình vì người, hy sinh phẩm vị của chính mình để thành tựu đại chúng, ban cho bọn người đời sau như chúng ta một khái thị rất lớn. Bỏ mình vì người, chính mình phải quyết định có thể vãng sanh thì mới được! Nếu bỏ mình vì người, được lắm, nhưng tương lai chính mình vẫn luân hồi trong lục đạo, vẫn là ba ác đạo, như vậy là trật mất rồi! Ngài bỏ mình vì người, còn có thể vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư, có thể đảm bảo điều này. Có năng lực như vậy thì mới có thể bỏ mình vì người. Chưa có năng lực như vậy thì vẫn phải ngoan ngoãn, thật thà niệm Phật. Quý vị mới biết những vị Trụ Trì, Đương Gia, chức sự trong các tự viện, từng lâm xưa kia đều là Bồ Tát tái lai. Phạm phu làm những chuyện tạp nhạp ấy, làm sao có thể vãng sanh cho được? Kẻ ấy tu gì đều chẳng tu thành công! Kẻ ấy tu Thiên chẳng thể đắc Định, nghiên cứu Giáo chẳng thể khai ngộ, niệm Phật chẳng thể vãng sanh, nhất định là như thế! Những vị thường trụ chấp sự thay đại chúng phục vụ, bỏ mình vì người, là Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phạm phu. Bản thân chúng ta hãy suy nghĩ, chúng ta là phạm phu, chẳng phải là thánh nhân, chẳng dám làm những chuyện ấy, thật sự chẳng dám!

Ấn Quang đại sư là Bồ Tát tái lai, đã nêu gương cho bọn chúng ta trong thời cận đại. Điều thứ nhất là Ngài không làm Trụ Trì. Thứ hai là Ngài không xây dựng tự miếu, suốt đời chẳng dựng một ngôi chùa nào, cũng chẳng tu bổ ngôi chùa nào. Ngài chẳng làm Trụ Trì, chẳng làm Đương Gia, chẳng làm Chấp Sự. Thứ ba là Ngài không thu nhận đồ đệ xuất gia. Thứ tư là không truyền giới, không làm thầy truyền giới. Nêu gương cho chúng ta, thật thà niệm Phật, như vậy thì chúng ta mới có thể có tương lai, mới có thể vãng sanh. Đích xác là chẳng thể dính dáng những sự vụ ấy được, nhưng người hiện thời liều mạng tranh giành, làm lẫn quá đỗi! Giành được rồi, nếu quý vị làm chẳng tốt đẹp, sẽ vướng tội nghiệp suốt đời. Quý vị làm tốt đẹp, đó là bản phận của quý vị, quý vị phải làm cho tốt! Làm chẳng tốt, quý vị mắc tội. Làm tốt đẹp thì là bản phận, là chuyện nên làm, cũng chẳng thể cậy công được, chẳng có công

lao gì để khoe khoang! Vì thế, đảm nhiệm chấp sự xác thực là phục vụ đại chúng, nhất định phải hiểu rõ nhân quả. Vì thế, tổ Ấn Quang nêu gương tốt nhất cho chúng ta, chúng ta phải nên học theo Ngài!

Thiên Thai Trí Giả đại sư nói, “*lâm chung tại Định chi tâm, tức Tịnh Độ thọ sanh chi tâm dã*” (lúc lâm chung, tâm định thì tâm ấy chính là tâm sanh về Tịnh Độ), hai câu này rất trọng yếu. Ngài là bậc tái lai, vãng sanh Tịnh Độ, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có chép truyện Ngài, trong Vãng Sanh Truyện cũng có. Lâm chung tâm định là công phu phải được bồi dưỡng trong lúc bình thường. Bình thường tâm chúng ta không định thì lúc lâm chung làm sao định nổi? Lại thưa cùng quý vị, bình thường định dễ dàng, lâm chung khó định, vì sao? Sanh ly tử biệt, quý vị có thể không động tâm hay chẳng? Quý vị có thể thật sự chẳng có may vướng mắc nào ư? Ất phải thật sự chẳng động tâm, thật sự chẳng có vướng mắc, tâm mới định được!

Khi ấy, “*cử niệm*”, cử niệm là niệm A Di Đà Phật, bèn là lúc vãng sanh Tịnh Độ. Do vậy, ta có thể biết: “*Tịnh Độ thọ sanh, bất ly tử tâm*” (Thọ sanh Tịnh Độ chẳng lìa tâm này). Tâm chẳng có [so đo] đây kia, há còn có từ Sa Bà đến Cực Lạc! Đây là nói theo Lý. Tổ sư Tịnh Độ Tông có một quyển sách nhỏ mang tựa đề Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, cô nhân nói: “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ*” (sanh bèn quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi), [đó là] nói theo Lý! Sanh Vô Sanh Luận hết sức hay, nhất là bản chú giải của cư sĩ Quý Thánh Nhất, chú giải rất tỉ mỉ. Cổ đức có chú giải nhưng lời chú quá sâu, chúng ta chẳng dễ gì thấy rõ ràng. Cư sĩ Quý Thánh Nhất chú giải rất rõ ràng, rất dễ hiểu, Ấn Quang đại sư cũng rất tán thán, lại còn viết lời tựa [cho sách ấy]. Chúng tôi đem bộ sách ấy từ Hương Cảng về tái bản, hết sức có giá trị. Vì thế, các đồng tu thật sự muốn nghiên cứu Tịnh Độ, chúng ta phải đồ công nghiên cứu những kinh luận trọng yếu ấy. Luận ấy chuyên giảng về việc vãng sanh Tịnh Độ, dù Sự hay Lý đều phải hiểu rõ ràng!

Cổ nhân cũng có nói tỷ dụ, vì những kẻ bình phàm nhờ vào tỷ dụ sẽ dễ hiểu. Giống như một người nằm mộng, trong mộng chúng ta từ nơi này đến nơi khác, khoảng cách rất xa! Thật ra, mộng do tâm biến, chẳng rời khỏi cái tâm này! Sau khi quý vị tỉnh giấc, [những cảnh giới trong mộng] thấy đều do tâm biến hiện, há có xa gần? Hiện thời khoa học phát triển, tiến bộ hơn xưa. Chúng ta xem TV, trên màn hình chiếu cảnh Đài Bắc, cảnh tiếp theo là Âu Châu, chưa đầy mấy giây chúng ta thấy toàn bộ thế giới. Tuy thấy khắp toàn bộ thế giới, chẳng rời khỏi màn hình, chẳng đến, chẳng đi! Nói theo Lý, xác thực là như thế.

Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, dấu hư không to đến mấy, giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, vô lượng vô biên thế giới chúng trong vũ trụ đều chẳng rời khỏi tự tánh của chúng ta, toàn là do tự tánh biến, toàn là do tự tánh hiện. Vì thế, trong một khoảnh ngón tay đều có thể đạt đến, trong một niệm bèn đạt ngay tới. Nói theo Lý, chẳng có xa hay gần, chẳng có cách ngăn, trở ngại.

(Sao) Hựu vị phân minh tại mục tiền thị dã, diệc hà thường viễn!

(鈔) 又謂分明在目前是也，亦何嘗遠。

(Sao: Lại nói “phân minh ở ngay trước mắt” là nhằm nói về ý này, cũng có bao giờ xa!)

Đây là nói theo Lý, giống như Sơ Tổ Viễn Công đại sư, thưở sanh tiền, Ngài niệm Phật, ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như ở ngay trước mặt, hiển hiện ngay trước mặt, có thể thấy là [Cực Lạc] chẳng xa! Tâm đã thanh tịnh, [Cực Lạc] bèn ở ngay trước mặt. Nếu tâm chẳng thanh tịnh bèn xa tít tắp. Thật ra, trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư nói “*mười vạn tám ngàn*”, nhằm nói đến ý nghĩa này, Ngài nói tâm xa hay gần. Ngài nói mười vạn là so với điều gì? “*Mười vạn*” là Thập Ác, “*tám ngàn*” là Bát Tà (tương phản của Bát Chánh Đạo). So chúng với những thứ ấy, rất có lý! Trong tâm chúng ta rời khỏi Thập Ác, giống như mười vạn liền chẳng có, rời khỏi Bát Tà, tám ngàn cũng chẳng có, cảnh giới ấy ở ngay trước mặt. Vì thế, xét theo dụng ý của Ngài, Lục Tổ cũng chẳng nói sai, mà nói cũng rất có lý, chủ yếu dạy chúng ta trong tâm phải rời khỏi mười ác, tám tà, Tây Phương Tịnh Độ ở ngay trước mặt. Nếu mười ác, tám tà trong tâm quý vị không trừ, thật sự chẳng phải chỉ là mười vạn tám ngàn!

(Sao) Thời vị quá, hiện, vị lai, Xứ vị tứ duy, thượng, hạ.

(鈔) 時謂過現未來，處謂四維上下。

(Sao: Thời là quá khứ, hiện tại, tương lai; Xứ là bốn phương, trên, dưới).

“*Thời*” là nói đến thời gian, có quá khứ, hiện tại, tương lai. “*Xứ sở*” là nói đến bốn phương, trên, dưới.

(Sao) Đơn thời, đơn xứ, thế giới bất thành. Hợp thời dữ xứ, danh thế giới dã.

(鈔) 單時單處，世界不成，合時與處，名世界也。

(Sao: Chỉ có Thời hay chỉ có Xứ, thế giới chẳng thành. Hợp Thời và Xứ lại, sẽ gọi là Thế Giới).

Đây là giải thích thế giới, “Thế” là thời gian, ba mươi năm gọi là một Thế (một thế hệ). Chữ Thế trong tiếng Hán thuộc loại Hội Ý, Thế là ba chữ Thập. Ba mươi năm là một Thế. “Giới” là giới hạn.

(Sao) Cực Lạc dịch hữu đa danh.

(鈔) 極樂譯有多名。

(Sao: Cực Lạc được dịch thành nhiều danh xưng).

Thế giới Cực Lạc dịch [từ tiếng Phạn sang Hán] có rất nhiều danh xưng.

(Sao) Nhi cực chi vi ngôn, hiển chí cực chi lạc.

(鈔) 而極之為言，顯至極之樂。

(Sao: Nhưng nói là Cực thì đã chỉ rõ sự vui sướng [trong cõi ấy] đạt đến tột bậc).

Nhưng trong nhiều danh xưng được phiên dịch, hai chữ Cực Lạc được dùng phổ biến nhất, vì sao? Ở đây, đại sư cho chúng ta biết, ý nghĩa của hai chữ này có thể bao gồm tất cả những danh xưng phiên dịch khác. [Cực Lạc] có nghĩa là vui sướng đến tột bậc!

(Sao) Phi nhân thiên nhất thiết chư lạc chi tỷ.

(鈔) 非人天一切諸樂之比。

(Sao: Hết thấy niềm vui trong cõi trời, cõi người chẳng thể sánh bằng).

Mọi thứ vui sướng trong nhân gian, thiên thượng đều chẳng thể sánh bằng!

(Sao) Cổ đặc tiêu dã.

(鈔) 故特標也。

(Sao: Vì thế, đặc biệt nêu ra).

Vì thế, trong nhiều danh từ phiên dịch, đặc biệt dùng chữ Cực Lạc. Tiếp đó là giải thích bốn cõi.

(Sao) Tứ độ giả, nhất viết Thường Tịch Quang độ. Kinh vân: “Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ. Kỳ Phật trụ xứ, danh Thường Tịch Quang”, thị cực quả nhân sở cư.

(鈔) 四土者，一曰常寂光土。經云：毗盧遮那遍一切處，其佛住處，名常寂光，是極果人所居。

(Sao: Bốn cõi, một là cõi Thường Tịch Quang. Kinh dạy: “Tỳ Lô Giá Na trọn khắp hết thảy mọi nơi, trụ xứ của đức Phật ấy được gọi là Thường Tịch Quang”, là chỗ ở của bậc cực quả).

“Cực quả” là Phật. “Thường Tịch Quang” chính là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ như trong Triết Học đã nói. Đây là thật sự đạt đến rất ráo, đạt đến viên mãn, rất ráo viên mãn, nên gọi là “cực quả”, tức là quả vị tột đỉnh rất ráo viên mãn trong tu hành. Kinh dạy, đức Phật có danh hiệu là Tỳ Lô Giá Na. Kinh Hoa Nghiêm nói đến tam thân Phật: Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân Phật, Lô Xá Na là Báo Thân Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân Phật. Tỳ Lô Giá Na có hai ý nghĩa, một ý nghĩa đã được nói ở đây, tức là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp hết thảy các chôn), ý nghĩa kia là Quang Minh Biến Chiếu (quang minh chiếu trọn khắp). Nói thật ra, Quang Minh Biến Chiếu và Biến Nhất Thiết Xứ ý nghĩa vẫn giống nhau. Tận hư không khắp pháp giới là một Lý Thể, hết thảy vạn vật, vạn pháp đều chẳng rời khỏi nó, đều do nó biến hiện. Giống như chúng ta xem TV, Pháp Thân là gì? Màn hình. Bất luận quý vị hiện lộ hình tượng gì, bất luận quý vị biến như thế nào, quý vị chẳng thể rời khỏi màn hình! Ngay cả thái hư không (không gian, hư không) cũng chẳng rời khỏi nó! Đây chính là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ, đúng như nhà Thiền đã nói: “Diện mạo trước khi được cha mẹ sanh ra”. Kinh thường nói: “Thập phương nhất thiết Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân” (Mười phương hết thảy Phật, cùng chung một Pháp Thân). Phật có chung một Pháp Thân, chúng ta và Phật có chung một Pháp Thân hay không? Đương nhiên! Hết thảy chúng sanh, cho đến núi, sông, đại địa,

hư không, đều là do nó hiện. Nó là căn bản thật sự, là bản thể thật sự [của vạn pháp]. Trong pháp môn Tịnh Độ, nó được gọi là cõi Thường Tịch Quang, cũng có nghĩa là Quang Minh Biến Chiếu, khắp hết thấy chúng sanh, khắp hết thấy quốc độ, khắp hết thấy thời gian và không gian, mang ý nghĩa này.

Vì sao gọi là Thường Tịch Quang? Trụ xứ của Phật, trên thực tế, Pháp Thân Phật chẳng có hình tướng, Pháp Thân há có tướng? Nếu quý vị nói Pháp Thân có hình dạng ra sao ư? Tận hư không khắp pháp giới là dáng vẻ của Pháp Thân, hư không thể giới là dáng vẻ của Pháp Thân. Nếu quý vị hiểu tận hư không khắp pháp giới vốn là chính mình, quý vị liền chứng đắc Pháp Thân. Người chứng đắc Pháp Thân tâm thanh tịnh, bình đẳng, biết Tự và Tha là một, chẳng hai! Chúng tôi nêu tỷ dụ, giống như nằm mộng. Trong mộng vừa giác ngộ “ta nay đang nằm mộng”, bản thân ta trong mộng do tâm của chính mình biến hiện, tất cả mọi người trong mộng cũng do tâm của chính mình biến hiện. Ngoài mộng chẳng có tâm, ngoài tâm chẳng có mộng. Toàn thể mộng cảnh là chính mình, kể cả núi, sông, đại địa, hư không trong mộng thấy đều là chính mình, mới hoát nhiên đại ngộ, nguyên lai tận hư không khắp pháp giới là ta, trừ ta ra, chẳng có ai khác, đó gọi là “triệt ngộ thanh tịnh Pháp Thân”. Khi ấy, quý vị sẽ dấy lên Đòng Thử Đại Bi, Vô Duyên Đại Từ đối với hết thấy chúng sanh. Tâm quý vị thật sự bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, vì sao? Nguyên lai đều là chính mình, trừ chính mình ra, chẳng có ai khác!

Thường Tịch Quang: Thường là nói tới Pháp Thân, Tịch là nói tới giải thoát, Quang là nói tới trí huệ. Ba đức của Niết Bàn là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Pháp Thân là chân thân của chính mình, quyết định chẳng hư vọng, đó là chứng đắc chân thân của chính mình. Khẳng định đích xác y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là chính mình, chẳng phải là ai khác, đó là chứng đắc Pháp Thân. Pháp là hết thấy các pháp. Hiểu rõ triệt để “hết thấy các pháp là một mình ta”. Đúng như đang nằm mộng, đột nhiên giác ngộ “ta đang nằm mộng”, đến rốt cuộc, mộng là chuyện gì, hoàn toàn hiểu rõ! Chẳng còn so đo hết thấy các cảnh giới trong mộng nữa, chẳng có chấp trước, phân biệt, kiến giải ấy gọi là “*Phật tri, Phật kiến*”, kinh Pháp Hoa gọi điều đó là “*nhập Phật tri kiến*”. Đó là Phật tri Phật kiến, tận hư không khắp pháp giới là một, chẳng hai.

Kiến giải của phàm phu phân chia Tự và Tha. Kinh Kim Cang nói: “*Tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả*”, phân biệt,

chấp trước mới có [các tướng ấy]! Rồi khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, há còn có? Thế giới này vốn là một. Vì thế, sau khi chứng đắc Pháp Thân, thế giới này là Nhất Chân pháp giới, vốn là một, không hai. Một mới là thật, hai là giả, hai sẽ chẳng chân. Cảnh giới cao nhất của nhà Thiên là “*thức đắc nhất, vạn sự tất*” (biết được một, muôn sự hoàn thành). “*Thức đắc*” là quý vị thật sự nhận biết Một, giác ngộ “vạn pháp trong toàn thể vũ trụ vốn là một”, được lắm! Chuyện gì đều chẳng có nữa, quý vị tu hành đã đạt đến viên mãn rốt ráo, chẳng còn gì nữa! Trong Đại Thừa, đã tốt nghiệp Nhất Thừa Phật pháp! Sở dĩ quý vị chẳng thể tốt nghiệp là do trong tâm quý vị còn có hai, còn chưa đạt đến một! Đã đạt đến Một, tức là đã tốt nghiệp Phật pháp liễu nghĩa rốt ráo trong Nhất Thừa! Đây là cảnh giới cao nhất trong Phật pháp!

Danh từ này hiển thị Tam Đức trong Nhất Chân pháp giới chẳng thể nghĩ bàn. Thứ nhất là Thường, tức Pháp Thân, quý vị thật sự thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, tức là Thật Tướng. Triệt ngộ Thật Tướng, đó là Lý, là vĩnh hằng, cho nên Thường, vĩnh viễn không thay đổi. Tịch là Giải Thoát, đại tự tại, như Quán Tự Tại Bồ Tát được nói trong Tâm Kinh, tự tại! Sự tự tại ấy do từ Tịch mà đạt được! Tịch là gì? Trong tâm chẳng sanh một niệm, thanh tịnh, tịch diệt. Diệt gì? Diệt hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, tâm đã tịch. Đối với năm thứ Nhẫn trong kinh Nhân Vương, đức Phật chứng đắc Tịch Diệt Nhẫn, còn cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn, vì Vô Sanh Pháp Nhẫn còn có Tự và Tha, vẫn chưa phải là một. Tịch Diệt là một, là cảnh giới cao nhất.

Do vậy, bất luận tông nào hay pháp môn nào trong Phật pháp, vì sao coi trọng Thiên Định như vậy là do đạo lý này! Thiên Định tương ứng với Tịch. Quý vị chẳng dùng đến công phu Định, làm sao đạt được tâm thanh tịnh? Vì thế, Phật pháp nhất định phải tu Thiên Định, nhưng tu Thiên Định cũng chẳng nhất định là Phật pháp, phải biết điều này, vì sao? Thiên Định có sâu hay cạn khác nhau! Thế gian có Tứ Thiên, Bát Định, đó chẳng phải là Phật pháp. Tiểu Thừa có Cửu Thứ Đệ Định, chẳng phải là Phật pháp rốt ráo. Trong Đại Thừa, cũng có nhiều thứ Định, như đại định viên mãn rốt ráo được kinh Lăng Nghiêm gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, trong kinh Hoa Nghiêm lại đổi thành một danh xưng khác, tức là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội, trong pháp môn Niệm Phật là Lý nhất tâm bất loạn. Danh xưng khác nhau, nhưng thật ra là cùng một chuyện. Cùng một cảnh giới, cùng một chuyện, nhưng các tông phái gọi bằng các danh từ khác biệt. Vì thế, chúng ta phải đặc biệt coi trọng tu Định, người niệm Phật phải đặc biệt coi trọng tu nhất tâm. Người hiện

thời tu hành chẳng thể thành công, đáng tiếc! Vì sao chẳng thể thành công? Tâm chẳng định, chẳng thật thà, đi lung tung mọi nơi, suy nghĩ nháo nhào!

Ấn Quang đại sư dạy các đồ đệ của Ngài, hễ ai nghe lời đều có thành tựu. Nếu chẳng nghe lời thì đều chẳng thành tựu. Kẻ nghe lời ít, kẻ chẳng nghe lời đông đảo. Nghe lời là như thế nào? Ấn Quang đại sư răn dạy các đồ đệ tại gia quy y: Quý vị trở về nhà hãy thật thà niệm Phật, chẳng cần đến chùa, chẳng cần tới tham gia pháp hội, chuyện gì cũng đều chẳng cần làm. Ngay cả đến chùa miếu thăm lão nhân gia, nếu quý vị tới mấy lần, Ngài sẽ hỏi quý vị: “Người đến làm gì?” “Con đến gặp sư phụ”. “Người đã gặp sư phụ rồi, còn có gì hay ho nữa đâu mà xem!” Chửi quý vị, đuổi về! Kẻ cả sư phụ của chính mình cũng chẳng cần gặp nhiều, hãy về nhà thật thà niệm Phật! Ngắm tượng Phật nhiều hơn, nghĩ tới Phật nhiều hơn, nhìn sư phụ chẳng thể vãng sanh, nhìn tượng Phật có thể vãng sanh. Trong tâm luôn nghĩ đến thầy sẽ là lục đạo luân hồi, niệm lục đạo luân hồi. Niệm A Di Đà Phật, quý vị có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó là một vị thiện tri thức chân chánh!

Bởi lẽ đó, hễ nhắc tới Ấn Quang đại sư, chẳng ai không tôn kính! Ai hoàng dương pháp của Ngài? Không ai hoàng dương, vì sao? Vì nếu hoàng dương, đạo tràng chẳng có ai. Ngài chẳng bảo người khác đến đạo tràng, ngay cả đạo tràng của Ngài, Ngài cũng chẳng cho phép. Về sau, Ngài lập Niệm Phật Đường tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, quý vị đến đó để làm gì? Đến Niệm Phật Đường niệm Phật, thật thà niệm Phật. Quý vị đến niệm Phật, bèn hoan nghênh quý vị tới, chấp thuận! Quý vị chẳng phải là niệm Phật, đến nơi đây, nói là thăm sư phụ, hay gặp ai đó, chẳng được, quyết định sẽ bị xua đuổi, quở mắng, Ngài chẳng lưu tình mảy may nào! Do vậy, nhắc tới pháp sư Ấn Quang mọi người đều rất tôn kính, nhưng chẳng ai tán thán Ngài, nói thật đấy! Y theo phương pháp tu hành của Ngài, chẳng có ai không thành công! Thâm nhập một môn trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác!

Do vậy, trong giảng tòa bấy nhiêu năm qua, tôi nhiều lượt khích lệ các đồng tu chúng ta: Hãy học một bộ kinh, niệm một bộ kinh tới rất ráo, chớ nên thay đổi! Chớ nên đi tham phỏng, hiện thời tham phỏng là gì? Ai là thiện tri thức? Trước kia, người ta triều sơn nhằm tham phỏng thiện tri thức, hiện thời đến đâu để tìm? Hiện thời, quý vị tham phỏng một người, [người ấy] giảng một cách, chỉ dạy quý vị một con đường. Tham phỏng một vị thầy khác, lại là một cách giảng khác, lại là một con đường khác. Tham phỏng bốn, năm vị thiện tri thức sẽ trở thành bốn, năm

đường lối, kết quả chẳng biết đi theo con đường của người nào mới tốt, xong luôn! Không giống như thời cổ, bậc đại đức thật sự vào thời cổ chỉ dạy quý vị tuân theo một con đường. Tuy sở học của những vị đại đức ấy khác hẳn, môn đình tu tập khác nhau, nhưng Ngài quan sát căn cơ của quý vị, vẫn chỉ cho quý vị một con đường [phù hợp với căn tánh của quý vị]. Quý vị và Ngài có pháp môn khác biệt, Ngài quyết chẳng giữ quý vị lại, mà sẽ giới thiệu nơi tương ứng với pháp môn của quý vị. Đây là vị thiện tri thức chân chánh. Chính mình khiêm hư, tán thán người khác, chư vị phải hiểu rõ điều này!

Chính mình thật sự mong thành tựu, nhất định phải tu Định; hằng ngày đi lung tung, tâm chẳng định được. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát có nói, niệm Phật kỳ nhất là xen tạp. Xen tạp là gì? Ngài nêu ra vài thí dụ, đọc kinh là xen tạp. Chẳng phải là kinh điển của tông mình, ta là người tu niệm Phật, ta lại muốn xem kinh Hoa Nghiêm, lại muốn niệm kinh Pháp Hoa, lại muốn niệm kinh Đại Bát Nhã, lại muốn đọc Đại Trí Độ Luận, thôi rồi, xen tạp, quý vị chẳng chuyên! Tu Tịnh Độ, nói cách khác, năm kinh một luận Tịnh Độ đã đủ cho quý vị niệm rồi! Còn muốn tham Thiền, còn muốn niệm chú, thấy người khác học cái này cũng muốn học theo, [thấy người ta] học cái khác cũng mong học theo, xen tạp! Lại còn cử hành pháp hội, lại còn tạp tâm chuyện gẫu, gặp đạo hữu chẳng nói “chánh kinh thoại”. Chánh kinh thoại là gì? Một câu A Di Đà Phật là chánh kinh thoại, trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có câu nào khác là chánh kinh thoại. Tạp tâm chuyện gẫu! Lại còn nói những chuyện cát, hung, họa, phước chẳng khẩn yếu. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, bận tâm gì đến cát hung, họa phước, không quan tâm tới những chuyện ấy, những thứ đó đều là xen tạp. Xen tạp, tâm quý vị sẽ không thanh tịnh, chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, mà công phu thành thiền cũng chẳng đạt được!

Chúng ta không chỉ niệm Phật muốn đắc nhất tâm bất loạn, mà niệm kinh vẫn cùng một mục tiêu “cầu nhất tâm bất loạn”. Chúng ta niệm Phật cầu khai ngộ, vì sao? Ngộ là Lý nhất tâm bất loạn, chúng ta niệm kinh cũng nhằm cầu khai ngộ. Muốn cầu khai ngộ phải cầu từ đâu? Cầu từ trong Định, cầu từ tâm thanh tịnh. Trong tâm quý vị suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, há cầu được ư? Do những tạp niệm, vọng niệm của chúng ta quá nhiều, phân biệt, chấp trước quá nặng; hãy niệm Phật nhiều, niệm kinh nhiều. Chọn lấy một bộ kinh, mỗi ngày đều niệm kinh ấy, niệm đến nhuần nhuyễn, đừng cầu thông hiểu: Kinh này có ý nghĩa gì? Trước kia, tôi đã từng nói với quý vị, toàn là lời thật thà, trong

kinh chẳng có ý nghĩa gì. Quý vị cầu thông hiểu điều gì? Những gì quý vị “liễu giải” toàn là dây vọng tưởng, chắc chắn chẳng liễu giải nghĩa chân thật. Bài kệ Khai Kinh có nói: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, những gì quý vị hiểu đều là suy nghĩ lung tung, chắc chắn chẳng phải là nghĩa chân thật của Như Lai.

“*Như Lai chân thật nghĩa*” là gì? Chẳng có ý nghĩa, đó là “*Như Lai chân thật nghĩa*”. Chẳng có ý nghĩa, tâm thanh tịnh, tâm đã định, đến lúc khởi tác dụng sẽ là vô lượng nghĩa; Trương Tam đến hỏi: Cõi Thường Tịch Quang giảng như thế nào? Quý vị giảng rõ ràng cho ông ta, ông ta hiểu rõ. Lý Tứ đến hỏi: Thường Tịch Quang giảng như thế nào? Quý vị lại giảng một cách khác, do cách giảng ấy, Lý Tứ khai ngộ, ông ta cũng hiểu rõ. Chẳng có ý nghĩa, nên khi khởi tác dụng bèn có vô lượng nghĩa. Mỗi ý nghĩa thích hợp đối với một người, có thể làm cho người ấy khai ngộ, khiến người ấy được thụ dụng. Nếu có ý nghĩa, hỏng rồi, kinh này chỉ thích hợp với một người, trừ người ấy ra, những người khác đều chẳng dùng được! Phật pháp màu nhiệm là màu nhiệm ở chỗ này! Do vậy, quý vị quyết định chớ nên tìm ý nghĩa của nó. Quý vị niệm kinh thì niệm kinh nhằm đắc Định, niệm kinh nhằm thanh tịnh tâm, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Kinh Kim Cang nói: “*Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng*”, chúng ta niệm kinh nhằm mục đích này, cầu điều này, cầu thẳng thừng, thỏa đáng, tiến nhập cõi Thường Tịch Quang. Trì danh niệm Phật là phương pháp niệm Phật cao nhất, có mấy ai hiểu? Mấy ai chịu thật thà làm? Sau khi xếp kinh lại, vẫn suy nghĩ loạn xạ, vẫn là cái này được, cái kia khá, chùa này khá lắm, pháp sư nọ rất tốt! Điều vẫn là tạo nghiệp luân hồi, phiền phức to lắm! Nếu quý vị nghe lời tôi, các pháp sư trong rất nhiều chùa miếu sẽ hận tôi thấu xương! Tôi chẳng có cách nào, chỉ đành ngay lập tức đến Tây Phương Cực Lạc thế giới lánh nạn! Hôm nay đã hết thời gian rồi!